

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 80 /TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo mảnh trích đo						Theo bản đồ địa chính				
	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất
					4.344,1					4.344,1	
1	01-2019	5	309	65	368,0	NTS	5	309	65	368,0	LUC
2	01-2019	5	309	64	225,0	LUC	5	309	64	225,0	LUC
3	01-2019	5	309	63	291,0	LUC	5	309	63	291,0	LUC
4	01-2019	5	309	66	136,0	BHK	5	309	66	136,0	BHK
5	01-2019	5	309	37	246,0	CLN	5	309	37	246,0	LNK
6	01-2019	5	309	309	673,0	CLN	5	309	36	581,0	LNK
							5	309	33	25,0	LNK
							5	309		67,0	DGT
7	0-20191	2	306	52-2	180,9	CLN	2	306	18	180,9	LNK
8	0-20191	2	306	302	215,0	BHK	2	306	18	215,0	LNK
9	02-2019	2	306	303	485,0	BHK	2	306	17	387,0	BHK
							2	306	18	98,0	LNK
10	02-2019	LN 01	541	403	280,4	HNK	LN 01	541	2	280,4	RSX
11	02-2019	LN 01	541	300-2	664,3	CLN	LN 01	541	2	664,3	RSX
12	01-2019	5	309	301	278,0	ONT	5	309	8	278,0	ONT
13	01-2019	5	309	300-2	301,5	ONT	5	309	8	234,5	ONT
		2	306				2	306	18	67,0	LNK